

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Đà Nẵng - Thành phố đổi mới sáng tạo”

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 453-TB/TU ngày 26/5/2023 của Thành ủy Đà Nẵng về kết luận của Thường trực Thành ủy tại phiên họp thường kỳ ngày 23/5/2023;

Căn cứ Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Danh mục Đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 92/TTr-SKH-CN ngày 20/12/2024 về việc phê duyệt Đề án “Đà Nẵng - Thành phố đổi mới sáng tạo” và kết quả biểu quyết của các thành viên UBND thành phố Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Đà Nẵng - Thành phố đổi mới sáng tạo” với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, sinh thái, thông minh, bản sắc, bền vững, ngang tầm quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát

triển với mạng lưới đô thị khu vực và quốc tế; là Trung tâm du lịch quốc tế gắn với Trung tâm tổ chức sự kiện quốc tế; Trung tâm công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin; Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; Trung tâm Tài chính quốc tế quy mô khu vực và là thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về tạo lập môi trường đổi mới sáng tạo

- Hình thành môi trường đổi mới sáng tạo thân thiện, thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

- Nâng cấp hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của thành phố Đà Nẵng lên tầm quốc tế tương đương với một số hệ sinh thái đổi mới sáng tạo lớn trong khu vực Đông Nam Á, được các tổ chức quốc tế thừa nhận, đánh giá và xếp hạng. Nâng cao bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương PII.

- Xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội để hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo và đẩy mạnh truyền thông, xây dựng thương hiệu Đà Nẵng - thành phố đổi mới sáng tạo, điem đến hấp dẫn về khởi nghiệp sáng tạo.

b) Về khởi nghiệp sáng tạo

- Đẩy mạnh thu hút, phát triển mạng lưới chuyên gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đặc biệt là các lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh, mũi nhọn của thành phố. Tăng hai lần số chuyên gia tư vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo so với năm 2025.

- Hỗ trợ phát triển ít nhất 200 dự án khởi nghiệp sáng tạo; 100 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Tăng hai lần số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, dự án khởi nghiệp sáng tạo được nuôi dưỡng tại các vườn ươm và số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, dự án khởi nghiệp sáng tạo thành lập, hoạt động tại thành phố Đà Nẵng so với năm 2025.

- Tăng hai lần số lượng doanh nghiệp công nghệ tầm cỡ thế giới và hàng đầu trong nước đến đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển tại thành phố Đà Nẵng so với năm 2025.

- Vốn đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, dự án khởi nghiệp sáng tạo Đà Nẵng tăng thêm khoảng từ 6 đến 7 nghìn tỷ đồng (tương đương 300 triệu USD) so với năm 2025.

- Hỗ trợ tăng gấp đôi số lượng doanh nghiệp hoàn thành dự án đầu tư nâng cấp, áp dụng công nghệ mới (nhất là các công nghệ của Cách mạng công nghiệp 4.0) và số lượng doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (cải tiến sản phẩm, quy trình sản xuất, quy trình quản trị) so với năm 2025.

- Khuyến khích thành lập các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; thu hút thêm được 3 - 5 quỹ đầu tư mạo hiểm đặt văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng.

- Khuyến khích trên 90% cán bộ, giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng giảng dạy khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo có nhu cầu đào tạo, huấn luyện được tham gia đào tạo, huấn luyện ít nhất 01 lượt.

- Khuyến khích trên 50% sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng tại các trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tham gia đào tạo về khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo.

- 100% các dự án khởi nghiệp có cơ hội được đào tạo trong các khóa học về khởi nghiệp sáng tạo; từng bước đưa giáo dục khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo đến các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

c) Về phát triển tài sản trí tuệ

- Nâng cao nhận thức, năng lực khai thác, quản lý và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố; tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện tuyên truyền, tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu cho khoảng 5.000 lượt người; xây dựng mỗi năm ít nhất 12 chuyên mục về sở hữu trí tuệ tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Số lượng đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng tiếp tục gia tăng (giai đoạn 2025 - 2030 số lượng đơn, văn bằng tăng khoảng 1,5 lần so với giai đoạn 2021 - 2025). Trong đó số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu tăng trung bình 10%/năm.

- Trên 90% sản phẩm tham gia Chương trình OCOP; sản phẩm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ; sản phẩm thương mại mang tính đặc trưng; sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; sản phẩm nông nghiệp của các hợp tác xã, làng nghề được hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, mã số, mã vạch.

- Tăng cường các hoạt động khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ; tăng tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại; tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ; phát triển nhãn hiệu cho các sản phẩm có chứa địa danh, dấu hiệu biểu trưng, lợi thế của thành phố. Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt ít nhất 10% số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ.

- Chỉ dẫn địa lý, nguồn gen, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật, văn hóa dân gian được bảo hộ và khai thác hiệu quả trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

d) Về cơ sở hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo

- Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố đảm bảo theo quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Khởi công Dự án “Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng” và đưa vào sử dụng hiệu quả.

- Hình thành nền kinh tế số đáp ứng dịch vụ tốt nhất cho các hoạt động kinh tế, đổi mới sáng tạo của thành phố. Có ít nhất 10 sản phẩm số được ứng dụng cho phát triển kinh tế địa phương.

- Hình thành các trung tâm, mạng lưới thúc đẩy chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh gắn với mục tiêu Netzero.

- Hình thành trung tâm khoa học dữ liệu cấp quốc gia, trung tâm huấn luyện, thử nghiệm và sản xuất trí tuệ nhân tạo (AI) cấp quốc gia, trung tâm tính toán hiệu suất cao ứng dụng siêu máy tính hoặc máy tính lượng tử. Cung cấp trên 70% sản phẩm AI phục vụ cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố.

II. NỘI HÀM XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG - THÀNH PHỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Theo quan điểm của Đề án này, khái niệm về thành phố đổi mới sáng tạo (ĐMST) được hiểu như sau: Thành phố ĐMST là thành phố lấy ĐMST làm định hướng chiến lược và là động lực cho quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, áp dụng ĐMST vào tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh, bền vững đồng thời thúc đẩy xã hội ngày càng văn minh và đậm đà bản sắc văn hoá địa phương, văn hoá dân tộc. Thành phố ĐMST là thành phố động lực của vùng kinh tế và cực tăng trưởng của khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Thành phố ĐMST chứa đựng những thành tố, yếu tố đặc trưng và vượt trội cả về chính sách lẫn môi trường ĐMST. Theo đó thành phố ĐMST cần phải chứa các thành tố cơ bản sau:

1. Có hệ thống chính sách đặc trưng cho ĐMST và ứng dụng khoa học và công nghệ (KHCN) vào phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết được các mục tiêu sau:

a) Tạo được động lực cho tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến với từng người dân, doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

b) Luôn khuyến khích và tạo điều kiện các hoạt động ĐMST của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân khi triển khai các kết quả ĐMST vào trong sản xuất và hoạt động kinh tế - xã hội. Khuyến khích những nhân tố mới và thúc đẩy các nhân tố mới phát triển theo định hướng của Đảng, Nhà nước, đồng thời xây dựng khung pháp lý, chính sách phù hợp để nuôi dưỡng và phát triển của các nhân tố ĐMST.

c) Tạo được sức hút hấp dẫn, mạnh mẽ đến với các cá nhân và doanh nghiệp trong và ngoài nước có tinh thần và giải pháp ĐMST đến hoạt động tại thành phố.

d) Xây dựng được một hệ sinh thái cho hoạt động ĐMST, thúc đẩy và đảm bảo môi trường phát triển cho tất cả các hạng mục trong chu trình ĐMST bao gồm: Lên ý tưởng - Nghiên cứu sáng tạo KHCN - Ứng dụng thử nghiệm các sản phẩm ĐMST vào thực tiễn - Triển khai diện rộng các sản phẩm ĐMST.

đ) Khuyến khích tinh thần “Người Việt dùng hàng Việt” nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, đặc biệt là các doanh nghiệp có “Công nghệ lõi”.

2. Có hệ thống cơ sở hạ tầng và điều kiện, tự nhiên, kinh tế - xã hội đủ đáp ứng cho ĐMST, cụ thể là các điều kiện sau:

a) Vị trí địa lý thuận lợi, là trung tâm của một vùng kinh tế trọng điểm và có khả năng kết nối đến các vùng kinh tế khác của quốc gia cùng như khu vực và thế giới.

b) Có “Nền kinh tế số” phát triển hoàn thiện và ổn định, đảm bảo tính “Đúng - Đủ - Sóng - Sạch” của dữ liệu và tính minh bạch cũng như kịp thời về thông tin của một nền kinh tế. Các thông tin, chỉ số kinh tế, dự báo kinh tế được minh bạch và cập nhật thời gian thực đến với những đối tượng tham gia kinh tế một cách phù hợp nhất.

c) Hệ thống đô thị thông minh, ứng dụng những sáng tạo khoa học kỹ thuật mới nhất vào phát triển đô thị.

d) Hệ thống giao thông đa dạng bao gồm cả đường bộ, đường thủy, đường sắt và đường không. Và các hệ thống này được vận hành thông minh nhất dựa vào những ứng dụng ĐMST, KHCN tiên tiến nhất của thế giới.

đ) Tiềm lực kinh tế xứng đáng với vị trí đô thị động lực của kinh tế vùng và khu vực.

e) Bề dày bản sắc văn hoá và có sức hội nhập tốt các nền văn hoá trên toàn cầu. Hệ thống du lịch thông minh phục vụ tốt nhất cho hoạt động du lịch.

g) Quản lý an ninh đô thị, an toàn xã hội bằng các công cụ AI, Robot, đảm bảo được môi trường sinh hoạt an toàn và hạnh phúc cho người dân.

h) Hệ thống phúc lợi xã hội tốt.

i) Hệ thống y tế hiện đại, đa dạng, đáp ứng được các tiêu chuẩn chăm sóc của quốc tế và đáp ứng được số lượng cũng như chất lượng đến với mọi đối tượng người dân trong thành phố.

3. Có nền tảng giáo dục, khoa học kỹ thuật xứng tầm với ĐMST, cụ thể là:

a) Hệ thống giáo dục đáp ứng được nguồn lao động đa dạng đặc biệt là nguồn lao động chuyên môn cao, đào tạo ra các chuyên gia đầu ngành cho quốc gia và quốc tế.

b) Hệ thống các phòng thí nghiệm, trung tâm thực hành - thực nghiệm đa dạng, đủ về số lượng và tốt về chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn hàng đầu về khoa học công nghệ của thế giới.

c) Là nơi sản sinh các phát minh mới và cũng là nơi ứng dụng thí điểm, ứng dụng đại trà sớm nhất các sản phẩm ĐMST.

d) Kết nối sâu rộng với mạng lưới ĐMST trong và ngoài nước.

4. Xây dựng được sự kết nối chặt chẽ giữa các đối tượng, Chính quyền - Giáo dục/Đào tạo - KH-CN - Doanh nghiệp, mỗi liên hệ này thể hiện qua các tiêu chí sau:

a) Có hệ thống đa dạng các trung tâm ĐMST cho mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực và mọi loại hình doanh nghiệp.

b) Cơ sở đào tạo ngành, nghề gắn liền với các doanh nghiệp. Doanh nghiệp là khách hàng trực tiếp về nhân lực và ĐMST khoa học kỹ thuật của trường đại học, cao đẳng và ngược lại các kết quả nghiên cứu từ trường học được thử nghiệm và ứng dụng vào doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng là đơn vị hỗ trợ tài chính cho các hoạt động nghiên cứu và thử nghiệm kết quả nghiên cứu ở các trường đại học.

c) Chính quyền có chính sách hỗ trợ phát triển các sản phẩm ĐMST từ các trường học và hỗ trợ kết nối, đưa sản phẩm ĐMST đến với doanh nghiệp cũng như người dân.

d) Có sự kết nối chặt chẽ giữa Nhà đầu tư - Trường đại học - Doanh nghiệp để tạo được môi trường tốt nhất cho sự hình thành, phát triển, ứng dụng các sản phẩm ĐMST

5. Xây dựng được văn hoá, tinh thần khởi nghiệp - ĐMST đến từng người dân, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước với các tiêu chí sau:

a) Có các chương trình đào tạo khởi nghiệp ĐMST từ cấp thấp đến cấp cao.

b) Mọi người dân ý thức được rằng, khởi nghiệp ĐMST là con đường tốt nhất để xây dựng kinh tế bản thân, phát triển kinh tế gia đình và kinh tế xã hội.

c) Tinh thần ĐMST có mặt ở mọi nơi, mọi môi trường lao động và mọi lĩnh vực kinh tế, nó kết hợp với tinh thần dám nghĩ và dám làm đến với mọi người dân.

III. CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN CẦN TẬP TRUNG KHUYẾN KHÍCH, THỨC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Gồm 06 lĩnh vực ưu tiên:

1. Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT).
2. Công nghiệp công nghệ cao, công nghệ xanh.
3. Công nghệ sinh học và y tế.
4. Kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển và dịch vụ logistics.
5. Du lịch thông minh.
6. Công nghiệp sáng tạo.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

a) Xây dựng cơ chế chính sách để tạo lập môi trường và hành lang pháp lý thuận lợi thúc đẩy ĐMST, trong đó chú trọng các chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; chính sách hỗ trợ phát triển hệ sinh thái ĐMST và triển khai có hiệu quả các chính sách đặc thù, vượt trội quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 như: Chính sách về miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo; chính sách về thử nghiệm có kiểm soát; chính sách về đầu tư, quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ phục vụ khởi nghiệp sáng tạo; chính sách ưu đãi, hỗ trợ về mặt bằng, địa điểm sản xuất cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong khu công nghệ cao và các khu công nghiệp;...

Xây dựng và hoàn thiện các chính sách về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng các yêu cầu về mục tiêu và định hướng mới của thành phố, phục vụ phát triển Khu thương mại tự do và Trung tâm tài chính quốc tế.

b) Tiếp tục nghiên cứu đề xuất Quốc hội, Chính phủ về các cơ chế chính sách đặc thù, mô hình thí điểm để phát triển ĐMST và xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm khởi nghiệp, ĐMST quốc gia tại khu vực, một điểm đến về khởi nghiệp sáng tạo (KNST) như: Chính sách hình thành các khu ĐMST gắn với khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế và các khu vực khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; chính sách về visa, về đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo,...

c) Ưu tiên bố trí ngân sách hàng năm cho KNST, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ cao.

d) Xác định hoạt động ĐMST là nội dung ưu tiên, trọng tâm trong chương trình đối ngoại của thành phố nhằm đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương.

đ) Tập trung cải thiện các thủ tục hành chính, minh bạch hóa môi trường đầu tư, kinh doanh và tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư nước ngoài nghiên cứu và triển khai dự án trên địa bàn.

e) Rà soát, kiện toàn chức năng nhiệm vụ quản lý, triển khai các hoạt động ĐMST của Sở Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án này.

2. Giải pháp về thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Xây dựng và triển khai các chương trình khởi nghiệp và ĐMST tại các cơ sở giáo dục.

b) Xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng thường xuyên trong và ngoài nước về ĐMST trong quản lý nhà nước, hỗ trợ hoạt động quản lý cho công chức, viên chức và các đối tượng khu vực tư.

c) Kết nối, thu hút các chuyên gia về ĐMST về làm việc và sinh sống tại thành phố Đà Nẵng.

d) Huấn luyện, bồi dưỡng, tập huấn cố vấn và giảng viên trong lĩnh vực ĐMST.

đ) Kết nối trao đổi nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST giữa các trường, viện, tổ chức khoa học công nghệ và các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các nước.

e) Kết nối hình thành nhóm nghiên cứu các dự án ĐMST do viện, trường và doanh nghiệp hợp tác.

g) Xây dựng văn hóa KNST trong các trường học. Đẩy mạnh tư duy sáng tạo và tinh thần đổi mới, khuyến khích phát triển văn hóa đổi mới trong công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và doanh nghiệp.

h) Tăng cường phối hợp giữa các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp với nhau để tạo nên các chương trình đào tạo chuyên sâu về khởi nghiệp và ĐMST, tích hợp cả lý thuyết và thực hành. Đồng thời, mở rộng về đối tượng được tham gia các khoá đào tạo không chỉ là sinh viên, học sinh mà còn là nhân sự của các công ty, tập đoàn và đặc biệt là cán bộ của cơ quan quản lý nhà nước. Các chương trình đào tạo chuyên sâu như tổ chức các khóa đào tạo về công nghệ, quản lý đổi mới và kỹ năng sáng tạo.

i) Tăng cường kết nối, hợp tác, trao đổi với các tổ chức, trường, viện với các địa phương khác và trên thế giới. Tổ chức, phối hợp các cuộc thi về ĐMST trong và ngoài nước.

k) Tăng cường năng lực đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ thông qua hệ thống các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đồng thời đẩy mạnh liên kết với các địa phương, nhất là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành đào tạo theo chuyên ngành công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển công nghiệp trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

l) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ về đào tạo hiện có của thành phố Đà Nẵng.

m) Xây dựng và triển khai áp dụng các giải pháp mạnh mẽ về hỗ trợ cho học sinh, sinh viên khởi nghiệp đảm bảo việc triển khai toàn diện và đồng bộ bằng nhiều giải pháp sáng tạo và sự đa dạng nguồn lực.

3. Giải pháp về cơ sở hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo

a) Giải pháp về hệ thống ĐMST, liên kết các nguồn lực

- Xây dựng môi trường ĐMST thân thiện, thuận lợi với các chính sách hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp KNST, các sản phẩm ĐMST, thử nghiệm cũng như ứng dụng sản phẩm ĐMST vào các cơ quan đơn vị quản lý nhà nước.

- Thúc đẩy mô hình hợp tác khoa học và công nghệ giữa ba bên: Doanh nghiệp - Nhà nước - Cơ sở nghiên cứu (viện, trường đại học), trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thực hiện nghiên cứu theo “đơn đặt hàng” của doanh nghiệp, khuyến khích và hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách thành phố cho các doanh nghiệp tự đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, khai thác tốt và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học.

- Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng bộ phận hoặc trung tâm nghiên cứu và phát triển ĐMST để tập trung nguồn lực, triển khai các chính sách có liên quan để khuyến khích doanh nghiệp phát triển nội lực và ngoại lực.

- Khuyến khích các viện, trường, cơ sở giáo dục triển khai: Chương trình đào tạo kiến thức, kỹ năng về KNST với hàm lượng và mức độ phù hợp với các cấp học, đối tượng người học; chương trình đào tạo liên kết, đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp; chương trình hợp tác với doanh nghiệp; chương trình thu hút nguồn nhân lực trong nước cũng như quốc tế, luân chuyển nhân lực với khu vực sản xuất; thành lập quỹ đầu tư theo cơ chế hợp tác công tư cho chương trình tạo lập các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nhà trường.

- Xây dựng chương trình, chính sách nâng cao năng lực và hỗ trợ nguồn lực về cơ sở vật chất, thông tin, kết nối để các tổ chức trung gian có đủ năng lực cung cấp các hoạt động hỗ trợ và dịch vụ cần thiết cho hoạt động ĐMST và KNST của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Nghiên cứu cơ chế chính sách cho phép các đơn vị sự nghiệp công lập khai thác, sử dụng tài sản công; thành lập doanh nghiệp; thu hút các nguồn tài trợ của các tổ chức trong nước và ngoài nước phục vụ ĐMST

b) Giải pháp về cơ sở hạ tầng

- Đầu tư và vận hành Không gian ĐMST Đà Nẵng; thiết lập các khu vực tập trung KNST, phòng thí nghiệm ĐMST. Tập trung triển khai Đề án mở rộng, nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học phục vụ nghiên cứu và phát triển vùng Nam Trung Bộ, tăng cường đầu tư nâng cao năng lực cho các đơn vị sự nghiệp KHCN công lập và tiếp tục đầu tư phát triển Khu Công nghệ cao và các khu Công nghệ thông tin tập trung. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Trung tâm Hỗ trợ KNST quốc gia tại Đà Nẵng theo Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị. Thúc đẩy và khuyến khích hình thành các không gian làm việc sáng tạo, thiết kế các không gian làm việc mở và linh hoạt để thúc đẩy sự sáng tạo và tương tác giữa các cá nhân, tổ chức khi hoạt động ĐMST.

- Đẩy mạnh mô hình thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) các giải pháp công nghệ mới.

- Nâng cấp mạng di động và Internet băng thông rộng để phục vụ nhu cầu kết nối của doanh nghiệp và người dân. Hỗ trợ doanh nghiệp và các cơ quan hành chính chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) vào hoạt động quản lý và sản xuất. Cập nhật và phát triển hệ thống công nghệ tin điện tử để tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin và dịch vụ một cách

nhANH chóng và hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng quản trị điện tử để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, giúp giảm thiểu thủ tục hành chính và tăng tính minh bạch. Phát triển các công cụ trực tuyến để người dân có thể dễ dàng đóng góp ý kiến, tham gia thảo luận chính sách, và đề xuất các giải pháp cho các vấn đề của thành phố.

- Xây dựng các nền tảng số và nền tảng thông tin liên thông giữa các cơ quan chính quyền và doanh nghiệp để cải thiện hiệu quả trong quản lý và phát triển kinh tế số. Phát triển hệ thống thông tin KHCN và KNST. Theo đó, thúc đẩy sử dụng dữ liệu dùng chung, chia sẻ, mở theo hướng đa ngành, liên ngành để nâng hiệu quả đầu ra của các hoạt động nghiên cứu và phát triển.

- Thiết lập các trung tâm khoa học dữ liệu cấp thành phố, tích hợp dữ liệu, huấn luyện và sản xuất AI, sản xuất robot,... nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

- Tập trung triển khai các hoạt động đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng tại các không gian ĐMST, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung. Thúc đẩy hoạt động ĐMST trong đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy hoạch. Nghiên cứu hình thành khu ĐMST tập trung với diện tích ước tính khoảng 50 hecta, trong đó ưu tiên bố trí địa điểm nghiên cứu phát triển sản phẩm, khu vực sản xuất cho các doanh nghiệp KNST, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các trung tâm nghiên cứu.

4. Giải pháp về huy động nguồn lực (xã hội hóa, thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế,...)

a) Kết nối cộng đồng du mục số (Digital nomad), cộng đồng doanh nghiệp, viện trường, cơ sở ương tạo trong và ngoài nước đến với thành phố.

b) Hỗ trợ hình thành, phát triển và nhân rộng các mô hình ĐMST sử dụng nguồn lực xã hội.

c) Kết nối các câu lạc bộ/nhóm ĐMST theo từng lĩnh vực/ngành nghề.

d) Tổ chức các hoạt động kêu gọi khu vực tư nhân đầu tư các trung tâm ĐMST, không gian ĐMST, mạng lưới ĐMST. Tăng cường hợp tác công - tư trong việc xây dựng các chương trình khởi nghiệp và ĐMST. Tăng cường mô hình hợp tác giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và khối viện, trường nhằm tối ưu hóa nguồn lực và chuyển giao công nghệ.

đ) Nghiên cứu cơ chế hợp tác với đối tác tư nhân trong đầu tư cho dự án KNST.

e) Kết nối mạng lưới ĐMST thành phố Đà Nẵng với các mạng lưới ĐMST, đối tác ĐMST trên toàn cầu.

g) Tham gia quảng bá hình ảnh, kết nối ĐMST tại các sự kiện đổi mới sáng trong nước và quốc tế; xuất khẩu, chuyển giao và nhân rộng các mô hình ĐMST của thành phố Đà Nẵng ra thị trường quốc tế.

h) Hình thành mạng lưới các không gian ĐMST tại nước ngoài, các thành phố kết nghĩa, ký kết hợp tác với thành phố và các đối tác quốc tế khác.

i) Nghiên cứu các bộ tiêu chí xếp hạng hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST có uy tín quốc tế để đăng ký tham gia. Thông qua đó định vị thành phố Đà Nẵng có tên trên các bảng xếp hạng ĐMST uy tín quốc tế.

k) Phối hợp các đối tác quốc tế triển khai các chương trình, hoạt động ra mắt sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và mô hình ĐMST quốc tế tại Đà Nẵng.

l) Tổ chức các hoạt động kết nối định kỳ: Ngày hội Khởi nghiệp ĐMST thành phố Đà Nẵng, Ngày hội gọi vốn, các cuộc thi Hackathon & Demo Day Đà Nẵng theo chủ đề (như công nghệ xanh, ứng dụng du lịch, chuỗi cung ứng,...) vào một thời gian cố định hàng năm, tạo cơ hội cho các startup thử nghiệm ý tưởng và thu hút sự chú ý từ nhà đầu tư.

m) Vận động, khuyến khích các tập đoàn doanh nghiệp lớn tại Đà Nẵng (các công ty đóng nhiều thuế...), các tập đoàn chuẩn bị đầu tư vào Đà Nẵng liên kết hoặc tự thành lập Quỹ đầu tư KNST theo mô hình Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa KNST.

n) Xây dựng lợi thế cạnh tranh và tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư quốc tế vào các lĩnh vực ưu tiên. Triển khai các hoạt động kết nối cung cầu về công nghệ; thúc đẩy vận hành thị trường công nghệ trên địa bàn.

5. Giải pháp về truyền thông

a) Xây dựng chiến lược truyền thông dài hạn và toàn diện, đáp ứng các nhu cầu trước mắt và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững tương lai, tập trung truyền thông về cơ chế chính sách, thương hiệu Đà Nẵng - Thành phố ĐMST, điểm đến hấp dẫn về KNST, các doanh nghiệp KNST và các thành tố trong hệ sinh thái. Xây dựng các câu chuyện thương hiệu dựa trên những giá trị cốt lõi và điểm mạnh của hệ sinh thái ĐMST tại Đà Nẵng, như sự sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp và cam kết về phát triển bền vững

Sử dụng đa dạng các kênh truyền thông truyền thống (báo chí, truyền hình), truyền thông số (mạng xã hội, website, email marketing, display campaign, video marketing) để đảm bảo thông điệp truyền thông được lan tỏa rộng rãi và tiếp cận đến nhiều đối tượng khác nhau. Phối hợp linh hoạt các kênh truyền thông để tạo ra sự tương tác và kết nối tốt hơn giữa các thành phần trong hệ sinh thái.

Xây dựng bộ phận truyền thông đảm bảo tính chuyên nghiệp và đồng bộ, có kế hoạch cụ thể để thực hiện nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thông; thu hút nhân lực có trình độ cao về digital marketing; tập trung đào tạo cán bộ phụ trách truyền thông những kỹ năng và hiểu biết cần có của digital marketer.

b) Tăng cường truyền thông về Đà Nẵng trên các nền tảng truyền thông quốc tế

- Tăng cường truyền thông Đà Nẵng trên các nền tảng truyền thông khu vực, quốc gia và quốc tế để thu hút sự quan tâm từ cộng đồng quốc tế, đặc biệt là các nhà đầu tư, doanh nghiệp công nghệ và các tổ chức ĐMST. Sử dụng các nền tảng mạng xã hội quốc tế như LinkedIn, Twitter, Facebook, và Instagram,... để thực hiện các chiến dịch truyền thông xã hội, giới thiệu về hệ sinh thái ĐMST của Đà Nẵng với nội dung sáng tạo, hấp dẫn và có tính lan tỏa cao, nhằm thu hút sự chú ý từ cộng đồng toàn cầu.

- Chủ động tham gia vào các sự kiện quốc tế về ĐMST, công nghệ, và khởi nghiệp, cũng như tổ chức các sự kiện quốc tế tại thành phố giúp quảng bá hình ảnh Đà Nẵng, tạo cơ hội để thành phố học hỏi kinh nghiệm, mở rộng mạng lưới quan hệ quốc tế và thu hút đầu tư.

c) Sử dụng công nghệ và dữ liệu để tối ưu hóa truyền thông

- Sử dụng mạng xã hội và nền tảng trực tuyến để gia tăng kết nối, tương tác, thu hút sự quan tâm từ cộng đồng.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trong việc phân tích và tối ưu hóa kế hoạch truyền thông. Tận dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) để nâng cao trải nghiệm truyền thông. Các sự kiện, triển lãm và hoạt động truyền thông về ĐMST có thể tích hợp VR và AR để giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ, và giải pháp công nghệ mới một cách sống động và tương tác.

d) Tăng cường vai trò của cộng đồng trong truyền thông ĐMST

Khuyến khích cộng đồng tham gia vào quá trình tạo nội dung và chia sẻ thông tin. Thúc đẩy các chương trình truyền thông cộng đồng, như các buổi thảo luận mở, hội thảo cộng đồng, hoặc các diễn đàn trực tuyến, tạo ra không gian cho sự trao đổi ý tưởng và kinh nghiệm về ĐMST, thảo luận tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề chung.

6. Giải pháp về phát triển đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

a) Khuyến khích nghiên cứu và phát triển

- Khuyến khích doanh nghiệp hợp tác nghiên cứu và áp dụng các công nghệ tiên phong như: trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), Công nghệ chuỗi khối (Blockchain), công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới thân thiện môi trường, công nghệ bán dẫn, máy tính lượng tử, công nghệ thực tế ảo, công nghệ xanh...

- Thường xuyên cập nhật và nâng cấp công nghệ để theo kịp xu hướng và nhu cầu thị trường. Hỗ trợ ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ mới, các giải pháp quản lý, kỹ thuật, KHCN tiên tiến, công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng trong các ngành, lĩnh vực, phục vụ giảm phát thải khí, phát triển công

nghệ xanh, sạch, tuân hoàn theo hướng mục tiêu đạt mức phát thải ròng NetZero 2050.

- Hỗ trợ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 56000; ISO 9000, ISO 50000,...) nhằm hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận việc ĐMST có hệ thống; nhằm tối ưu hóa nguồn lực, giảm thiểu chi phí, tăng năng lực cạnh tranh, giúp doanh nghiệp phát triển các giải pháp, hệ thống, sản phẩm và dịch vụ mới.

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư và phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ, ĐMST. Tổ chức các hoạt động hợp tác công tư để ĐMST trong cả khu vực công và tư.

- Kết nối mạnh mẽ doanh nghiệp và trường đại học, viện nghiên cứu để nghiên cứu và phát triển sản phẩm; khuyến khích mô hình doanh nghiệp khởi nghiệp hình thành từ kết quả nghiên cứu, sáng chế.

b) Về tài chính

- Kết nối các gói hỗ trợ tài chính, bao gồm quỹ tài trợ và các khoản vay ưu đãi cho các dự án nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp.

- Kết nối và tạo điều kiện cho quỹ đầu tư mạo hiểm tham gia vào việc hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp có tiềm năng ĐMST thông qua các chương trình gọi vốn.

- Ưu tiên thúc đẩy đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp từ chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ của thành phố.

7. Giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực chủ chốt, tập trung

a) Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ chuỗi khối - Internet vạn vật (BlockChain - IoT), công nghệ hợp đồng thông minh (SmartContract), trí tuệ nhân tạo, công nghệ thực tế ảo,... trong quản lý và vận hành các lĩnh vực trọng điểm của thành phố.

b) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển hệ thống tính toán hiệu năng cao trên công nghệ vi mạch bán dẫn, máy tính lượng tử.

c) Xây dựng kế hoạch, nghiên cứu các giải pháp khuyến khích, thu hút và phát triển công nghiệp sáng tạo.

d) Xây dựng Đề án Danang Bio-Innovation Hub. Triển khai chương trình ươm tạo doanh nghiệp KNST trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

đ) Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp ĐMST.

8. Giải pháp nâng cao bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương PII

a) Đề xuất được các nhiệm vụ, giải pháp duy trì và nâng cao chỉ số PII. Đề ra các phương án nhằm cải thiện nhóm 7 chỉ số thấp. Đồng thời tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao (45 chỉ số).

b) Chi tiết các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục I. Danh mục nhiệm vụ triển khai Đề án Đà Nẵng - Thành phố ĐMST; Phụ lục II. Các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số ĐMST cấp địa phương (PII) của thành phố Đà Nẵng từ năm 2025 đến năm 2030.

Điều 2. Kinh phí thực hiện: Các cơ quan, đơn vị chủ trì chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các đơn vị có liên quan đề xuất dự toán để thẩm định khi triển khai trên thực tế theo quy định của pháp luật.

Tổng kinh phí dự kiến: 65.050.000.000 đồng (Bằng chữ: sáu mươi lăm tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng).

Nguồn kinh phí: Cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan chủ trì thực hiện Đề án, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch hàng năm và bố trí kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ hàng năm. Đồng thời, lồng ghép việc thực hiện với các chương trình, kế hoạch khác có liên quan (nếu có).

b) Chịu trách nhiệm đầu mối các hoạt động ĐMST, hỗ trợ doanh nghiệp KNST, hỗ trợ phát triển sản phẩm ĐMST, hỗ trợ thử nghiệm sản phẩm ĐMST.

c) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các quận, huyện, viện, trường rà soát chính sách cho hoạt động ĐMST. Chủ trì, phối hợp các cơ quan truyền thông, hiệp hội doanh nghiệp và các đơn vị liên quan để thực hiện các hoạt động thông tin, truyền thông, nâng cao nhận thức của xã hội đối với hoạt động ĐMST.

d) Định kỳ, hằng năm tổng hợp báo cáo UBND thành phố, cơ quan trung ương theo quy định hoặc đột xuất.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện đối với các nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển ngân sách thành phố, đảm bảo đúng quy định.

3. Sở Công Thương

a) Lồng ghép các hoạt động khuyến công gắn với hoạt động ĐMST.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp, sản xuất tăng cường thúc đẩy mô hình ĐMST mở.

4. Sở Tài chính

Tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, căn cứ chủ trương phê duyệt của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính kiểm tra, tổng hợp (đối với nguồn vốn chi thường xuyên), trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bố trí kinh phí thực Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách.

5. Sở Ngoại vụ

a) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị có liên quan kết nối các đối tác quốc tế của thành phố để hỗ trợ kết nối phát triển hoạt động ĐMST.

b) Tham mưu đưa nội dung hợp tác hoạt động ĐMST trong các chương trình đối ngoại của thành phố.

6. Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư

a) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để quảng bá, mời gọi các doanh nghiệp, nhà đầu tư nghiên cứu, khảo sát các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng ĐMST, trung tâm ĐMST, trung tâm nghiên cứu.

b) Tận dụng quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước để hỗ trợ kết nối phát triển mạng lưới ĐMST của thành phố Đà Nẵng.

7. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thúc đẩy, thu hút đầu tư các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, các trung tâm nghiên cứu, các cơ sở ươm tạo.

8. Báo Đà Nẵng, Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng, Cổng Thông tin điện tử thành phố

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của xã hội và quảng bá hoạt động ĐMST của thành phố.

9. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng

Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ về đầu tư và lãi suất cho các doanh nghiệp KNST, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

10. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các quận, huyện; các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu; các tổ chức/doanh nghiệp khoa học và công nghệ; các tổ chức trung gian; các hội, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm cụ thể hóa hoạt động ĐMST thành các nhiệm vụ trong kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện; định kỳ hằng năm, báo cáo cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố.

11. Tổ chức, cá nhân tham gia Đề án

a) Sử dụng kinh phí Đề án đúng mục đích, có hiệu quả, không lãng phí, tuân thủ Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện.

b) Kịp thời phản ánh những khó khăn vướng mắc trong quá trình tham gia Đề án với Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp tham mưu UBND thành phố có những điều chỉnh phù hợp đảm bảo Đề án được triển khai hiệu quả.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Thường trực Thành ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND thành phố (để b/c);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành TP;
- Công TTĐT TP, Báo ĐN, Đài PT&TH;
- UBND các quận, huyện;
- Lưu: VT, SKHCN. 25/

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Anh Thi



Phụ lục I

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN ĐÀ NẴNG THÀNH PHỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
I	GIẢI PHÁP VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH								
1	Rà soát và xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển đổi mới sáng tạo của thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan						
2	Nghiên cứu đề xuất các cơ chế chính sách vượt trội về hình thành các khu đổi mới sáng tạo gắn với khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế và các khu vực khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ						
3	Nghiên cứu chính sách ưu đãi, hỗ trợ về mặt bằng, địa điểm sản xuất cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong khu công nghệ cao và các khu công nghiệp;...	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp Đà	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, các đơn vị có						

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
		Năng	liên quan.						
4	Nghiên cứu, đề xuất chính sách hình thành các sản giao dịch tín chỉ carbon, sản giao dịch tài sản số, sản giao vốn của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan						
5	Thử nghiệm, ứng dụng các sản phẩm đổi mới sáng tạo để phục vụ người dân, nâng cao hiệu suất, hiệu quả công việc trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể,...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan						
6	Rà soát, kiện toàn chức năng nhiệm vụ quản lý, triển khai các hoạt động	Sở Khoa học và	Sở Nội vụ, các Sở,						

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
	đổi mới sáng tạo của Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đà Nẵng	Công nghệ	ban, ngành và các đơn vị có liên quan						
II	GIẢI PHÁP VỀ THU HÚT, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO								
1	Xây dựng và triển khai chương trình khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại các cơ sở giáo dục	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các đơn vị liên quan	500	550	600	650	700	
2	Chương trình đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng thường xuyên trong và ngoài nước về quản lý nhà nước, hỗ trợ hoạt động quản lý trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo cho công chức, viên chức và các đối tượng khu vực tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, các cơ quan đơn vị liên quan	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
3	Kết nối, thu hút các chuyên gia về đổi mới sáng tạo về làm việc và sinh sống tại Đà Nẵng	Ban Hỗ trợ và Xúc tiến đầu tư	Sở Ngoại vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Du lịch và các đơn vị có liên quan	200	250	300	350	400	
4	Huấn luyện, bồi dưỡng, tập huấn cố vấn và giảng viên trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	100	100	100	100	100	
5	Kết nối trao đổi nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa các trường, viện, tổ chức khoa học công nghệ và các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng với các nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng các Bộ phận đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài - Bộ Khoa học và Công nghệ, Mạng	200	200	200	200	200	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
			lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam, Sở Ngoại vụ và các đối tác						
6	Kết nối hình thành nhóm nghiên cứu, sinh viên, học sinh Đà Nẵng và quốc tế cùng giải quyết vấn đề thách thức, tham gia các cuộc thi, hoạt động đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và các đối tác	200	200	200	200	200	
7	Kết nối hình thành nhóm nghiên cứu các dự án đổi mới sáng tạo do viện, trường và doanh nghiệp hợp tác	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, tổ chức nghiên cứu khoa học	500	550	600	650	700	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
			và các đối tác						
8	Xây dựng văn hóa khởi nghiệp sáng tạo trong các trường học	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan	200	200	200	200	200	
III	GIẢI PHÁP VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG, HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO								
1	Đầu tư và vận hành Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan đơn vị có liên quan						Theo Dự án đầu tư xây dựng cơ bản
2	Hình thành các khu vực, phòng thí nghiệm đổi mới sáng tạo; Đẩy mạnh mô hình thử nghiệm có kiểm soát (sandbox)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công						Theo Dự án đầu tư xây dựng cơ bản

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
			Thương, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp, các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan						
3	Nâng cấp mạng di động và Internet băng thông rộng để phục vụ nhu cầu kết nối của doanh nghiệp và người dân	Sở Thông tin và truyền thông	Các cơ quan đơn vị có liên quan						Theo Dự án đầu tư xây dựng cơ bản
4	Hỗ trợ doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) vào hoạt động quản lý và sản xuất	Sở Thông tin và truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan đơn vị có liên quan						Theo Dự án đầu tư xây dựng cơ bản

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
5	Cập nhật và phát triển hệ thống công thông tin điện tử để tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin và dịch vụ một cách nhanh chóng và hiệu quả	Sở Thông tin và truyền thông	Các cơ quan đơn vị có liên quan						Theo Dự án đầu tư xây dựng cơ bản
6	Đẩy mạnh ứng dụng quản trị điện tử để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, giúp giảm thiểu thủ tục hành chính và tăng tính minh bạch	Sở Thông tin và truyền thông	Các cơ quan đơn vị có liên quan						Theo Dự án đầu tư xây dựng cơ bản
7	Phát triển các công cụ trực tuyến để người dân có thể dễ dàng đóng góp ý kiến, tham gia thảo luận chính sách, và đề xuất các giải pháp cho các vấn đề của thành phố	Sở Thông tin và truyền thông	Các cơ quan đơn vị có liên quan						Theo Dự án đầu tư xây dựng cơ bản
8	Thiết lập nền tảng thông tin địa phương và hình thành nền kinh tế số	Các sở, ban, ngành có liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông						Theo Dự án đầu tư xây dựng cơ bản
9	Hình thành trung tâm, mạng lưới khoa học dữ liệu, huấn luyện và sản xuất AI, huấn luyện robot	Sở Khoa học và công nghệ	Sở Thông tin và Truyền						Theo Dự án đầu tư xây dựng

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
			thông và các đơn vị liên quan						Cơ bản
10	Nghiên cứu hình thành khu đổi mới sáng tạo trong Khu công nghệ cao (với diện tích ước tính khoảng 50 hecta)	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và Các khu công nghiệp Đà Nẵng	Các Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan						Theo Dự án đầu tư xây dựng cơ bản
11	Nâng cấp cơ sở hạ tầng nghiên cứu và phát triển phục vụ phát triển công nghệ sinh học	Trung tâm Công nghệ sinh học	Sở Xây dựng, các đơn vị có liên quan						Theo Dự án đầu tư xây dựng cơ bản
IV	HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÃ HỘI (THU HÚT ĐẦU TƯ, HỢP TÁC QUỐC TẾ, THU HÚT NHÂN TÀI,...)								
1	Kết nối với cộng đồng du mục số (Digital nomad) trong và ngoài nước	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ	Sở Khoa học và Công nghệ	200	250	300	350	400	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
	với cộng đồng doanh nghiệp, viện trường, cơ sở ươm tạo	trợ đầu tư Đà Nẵng	Công nghệ, Sở Du lịch, Ban Hỗ trợ và Xúc tiến đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Các đơn vị có liên quan						
2	Hỗ trợ hình thành, phát triển và nhân rộng các mô hình đổi mới sáng tạo sử dụng nguồn lực xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Hỗ trợ và Xúc tiến đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan						
3	Kết nối các câu lạc bộ/nhóm đổi mới sáng tạo theo từng lĩnh vực/ngành nghề	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Hỗ trợ và Xúc tiến đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư	300	300	300	300	300	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
			và các đơn vị có liên quan						
4	Tổ chức các hoạt động kêu gọi khu vực tư nhân đầu tư các trung tâm đổi mới sáng tạo, không gian đổi mới sáng tạo, mạng lưới đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Hỗ trợ và Xúc tiến đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan	500	500	500	500	500	
5	Kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo thành phố Đà Nẵng với các mạng lưới đổi mới sáng tạo, đối tác đổi mới sáng tạo trên toàn cầu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	500	500	500	500	500	
6	Hình thành các không gian đổi mới sáng tạo tại nước ngoài, các thành phố kết nghĩa, ký kết hợp tác với thành phố và các đối tác khác	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	500	500	500	500	500	
7	Nghiên cứu và triển khai các bộ tiêu chí xếp hạng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có uy tín quốc tế	Viện Nghiên cứu Phát triển	Sở Khoa học và Công nghệ	800	800	800	800	800	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
	(Startup Blink, Startup Genome ...) để đăng ký tham gia	kinh tế xã hội thành phố	và các đơn vị có liên quan						
8	Phối hợp các đối tác quốc tế triển khai các chương trình, hoạt động ra mắt sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và mô hình đổi mới sáng tạo quốc tế tại Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ, Ban Hỗ trợ và Xúc tiến Đầu tư, các cơ quan đơn vị và các đối tác	500	500	500	500	500	
9	Tổ chức các hoạt động kết nối định kỳ: Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố Đà Nẵng, Ngày hội gọi vốn, Diễn đàn Đầu tư mạo hiểm và Thiên thần, các cuộc thi Hackathon & Demo Day...	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ, Ban Hỗ trợ và Xúc tiến Đầu tư, các cơ quan đơn vị liên quan và các đối tác	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
10	Vận động, khuyến khích các tập đoàn doanh nghiệp lớn tại Đà Nẵng, các tập đoàn chuẩn bị đầu tư vào Đà Nẵng liên kết hoặc tự thành lập Quỹ	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế						Lồng ghép với chương trình xúc

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
	<p>đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo mô hình Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.</p> <p>Tham gia quảng bá hình ảnh, kết nối đổi mới sáng tạo tại các sự kiện đổi mới sáng trong nước và quốc tế; Xuất khẩu, chuyển giao và nhân rộng các mô hình đổi mới sáng tạo của thành phố Đà Nẵng ra thị trường quốc tế</p>		hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan						tiền đầu tư của thành phố
V	GIẢI PHÁP VỀ TRUYỀN THÔNG								
1	Xây dựng nội dung và phát triển thương hiệu thành phố đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	100	100	100	100	100	
2	Xây dựng video, clip truyền thông về hệ sinh thái đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đối tác		300	300	300	300	
3	Xây dựng các kênh, trang thông tin	Sở Khoa	Sở Ngoại	500	200	200	200	200	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
	trên các mạng xã hội như Twitter, Facebook, Instagram, Tiktok, LinkedIn...	học và Công nghệ	vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, các đối tác						
4	Thiết lập quan hệ đối tác truyền thông với các đối tác quốc tế. Truyền thông trên các trang báo, kênh quốc tế và các kênh mạng xã hội quốc tế có tác động lớn	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, các đối tác	500	500	500	500	500	
5	Ứng dụng công nghệ thực tế ảo VR và thực tế tăng cường AR để nâng cao trải nghiệm truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	500	500	500	500	500	
6	Tuyên truyền, phổ biến các chính sách của thành phố về đổi mới công nghệ, phổ biến các giải pháp, kỹ thuật công nghệ mới để thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	50	50	50	50	50	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
VI	GIẢI PHÁP VỀ PHÁT TRIỂN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH NGHIỆP								
1	Hỗ trợ chuyển giao công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan						Thực hiện theo chương trình hỗ trợ của thành phố tại Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 12/9/2024
2	Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư và phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo	Ban Hỗ trợ và Xúc tiến Đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư	500	500	500	500	500	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
3	Kết nối giữa doanh nghiệp và trường đại học, viện nghiên cứu để nghiên cứu và phát triển sản phẩm; Khuyến khích mô hình doanh nghiệp khởi nghiệp hình thành từ kết quả nghiên cứu, sáng chế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	500	500	500	500	500	
4	Tổ chức các hoạt động hợp tác công tư để đổi mới sáng tạo trong cả khu vực công và tư (khu vực công và tư cùng phối hợp đặt hàng tiên phong thí điểm triển khai mô hình đổi mới sáng tạo trong khu vực công lẫn khu vực tư...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	500	500	500	500	500	
5	Hỗ trợ ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ mới, các giải pháp quản lý, kỹ thuật, khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng trong các ngành, lĩnh vực, phục vụ giảm phát thải khí nhà kính, phát triển công nghệ xanh, sạch, tuần hoàn hướng mục tiêu đạt mức phát thải ròng NetZero 2050. Xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý theo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan						Theo chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ của thành



STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
	tiêu chuẩn quốc tế								phố
VII	PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CHỦ CHỐT, TẬP TRUNG								
1	Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan						Thực hiện đặt hàng, tuyển chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
2	Nghiên cứu các giải pháp khuyến khích, thu hút và phát triển công nghiệp sáng tạo	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội thành phố	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	500	200	200	200	200	
3	Xây dựng kế hoạch phát triển công nghiệp sáng tạo	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị có liên quan						
4	Xây dựng Đề án Danang Bio-Innovation Hub	Trung tâm Công nghệ	Các đơn vị có liên						Theo Dự toán đầu tư xây

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Kinh phí thực hiện hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 (đơn vị tính là triệu đồng)					Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	
		sinh học	quan						dựng cơ bản
5	Triển khai chương trình ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học	Trung tâm Công nghệ sinh học	Các đơn vị có liên quan	500	500	500	500	500	
6	Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan						Thực hiện theo chương trình hỗ trợ của thành phố tại Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 29/11/2021
	TỔNG			12.850	12.750	12.950	13.150	13.350	

Phụ lục II
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CẤP ĐỊA PHƯƠNG (PII)
CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TỪ NĂM 2025 ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
I	NHÓM CHỈ SỐ THẤP (7 CHỈ SỐ)		
1	Chỉ số Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật/tổng số học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông (%).	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động tìm tòi, khám phá khoa học, kỹ thuật giải quyết các vấn đề thực tiễn. - Tăng cường tổ chức dạy học các bài học STEM và hoạt động trải nghiệm STEM; Tích cực triển khai ngày hội STEM hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật để đánh giá, biểu dương nỗ lực của giáo viên và học sinh trong việc tổ chức dạy và học, đồng thời lựa chọn các đề tài/dự án nghiên cứu gửi tham gia Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp trên. 	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Chỉ số Tỷ lệ các dự án đầu tư đang hoạt động trong các cụm công nghiệp/tổng số doanh nghiệp đang hoạt động của địa phương (%)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu và có các giải pháp thành lập các Cụm công nghiệp, Cụm công nghiệp làng nghề và tạo điều kiện cho các dự án đầu tư vào hoạt động trong các cụm này (theo Nghị định 68/2017/NĐ-CP). - Sớm tham mưu cho thành phố có phương án phát triển các cụm công nghiệp, tiếp tục thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất kinh doanh tập trung. - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến những chính sách, quy định của thành phố trong việc hình thành các cụm công 	Sở Công Thương

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
		<p>ngành làng nghề đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, phát triển nghề, làng nghề ở địa phương.</p>	
3	Chỉ số Đơn đăng kí giống cây trồng/10,000 dân.	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường phổ biến, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về bảo hộ giống cây trồng, lợi ích của việc bảo hộ giống cây trồng, quy trình đăng ký, các cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo hộ giống cây trồng để các tổ chức, cá nhân biết, tiếp cận. - Tham mưu triển khai các cơ chế, chính sách liên quan đến hỗ trợ bảo hộ giống cây trồng. - Tư vấn, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân quy trình, thủ tục đăng ký bảo hộ giống cây trồng. 	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4	Chỉ số Số lượng chỉ dẫn địa lý đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường phối hợp với đơn vị liên quan phổ biến, hướng dẫn cho doanh nghiệp và địa phương về quy trình đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, tổ chức hội thảo, tập huấn, và cung cấp tài liệu hướng dẫn chi tiết. - Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực về quản trị và phát triển thương hiệu cho các tổ chức tập thể, hợp tác xã, hội/hiệp hội, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất được sử dụng chỉ dẫn địa lý. - Tăng cường kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến sản phẩm giả mạo chỉ dẫn địa lý. 	Sở Khoa học và Công nghệ.

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
5	Chỉ số Tỷ lệ doanh nghiệp có ISO/tổng số doanh nghiệp.	<p>- Tăng cường nâng cao nhận thức và hỗ trợ thông tin, hướng dẫn để doanh nghiệp hiểu rõ hơn về lợi ích của việc xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO nhằm chuẩn hóa và tối ưu hóa các hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh qua đó hỗ trợ quá trình triển khai chuyển đổi số, hướng đến phát triển bền vững của doanh nghiệp.</p> <p>- Đẩy mạnh triển khai thực hiện chính sách hiện hành của thành phố nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiến hành xây dựng, áp dụng và đánh giá chứng nhận các hệ thống quản lý cơ bản: Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001); Hệ thống quản lý môi trường (ISO 14001); Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000; Hệ thống quản lý năng lượng (ISO 50001); Hệ thống quản lý an toàn thông tin (ISO 27001); Hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội (ISO 26000); Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (ISO 45001) và các hệ thống quản lý chuyên ngành như ISO 13485, ISO/IEC 17025, ISO 15189,...</p>	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Chỉ số Tốc độ tăng năng suất lao động.	<p>- Tập trung phát triển nguồn nhân lực, thu hút lao động chất lượng cao, thu hút đầu tư hướng vào nâng cao chất lượng tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, chú trọng phát triển nhân lực cho các lĩnh vực ưu tiên của thành phố.</p>	Các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan khác.
		<p>- Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển đô thị thông minh, nhà máy thông minh, hướng thành phố Đà Nẵng trở thành một thành phố thu hút nhân lực chất lượng cao.</p>	Sở Thông tin và Truyền thông. Các sở, ban, ngành và các đơn vị liên

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
		<p>- Tiếp tục kiểm soát thúc đẩy việc nâng cao năng suất chất lượng của doanh nghiệp. Tạo phong trào thúc đẩy nâng cao năng suất của doanh nghiệp.</p>	<p>quan khác.</p> <p>Sở Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan khác.</p>
7	Chỉ số Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các DN đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh (tỷ đồng).	<p>- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, tập trung khai thác, vận dụng và phát huy có hiệu quả, thực chất các hiệp định thương mại tự do. Qua đó thúc đẩy xuất khẩu và gia tăng các đơn hàng xuất khẩu; thúc đẩy hoạt động các doanh nghiệp tạo công ăn việc làm và gia tăng nhu cầu tín dụng của nền kinh tế đối với hệ thống ngân hàng; có các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng tính độc lập tự chủ nền kinh tế.</p> <p>- Phối hợp nghiên cứu và đề xuất những giải pháp giảm mặt bằng lãi suất và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, góp phần tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế cũng như đảm bảo sự phát triển an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng.</p> <p>- Chủ động xây dựng chương trình, gói sản phẩm tín dụng với lãi suất hợp lý; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục nội bộ để tạo thuận lợi cho khách hàng tăng khả năng tiếp cận vốn.</p> <p>- Tiếp tục thực hiện quyết liệt công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao hệ số tín nhiệm, chủ động, kịp thời thông tin, truyền thông về các cơ chế, chính sách, giải</p>	<p>Sở Công Thương.</p> <p>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng.</p>



STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
		<p>pháp điều hành của ngân hàng.</p> <ul style="list-style-type: none">- Tăng cường trao đổi, truyền thông hướng dẫn đối với các doanh nghiệp, đồng thời tăng cường phối hợp với các bộ, ngành, các tổ chức tín dụng trong việc cung cấp thông tin, chính sách của Nhà nước để hỗ trợ hiệu quả quá trình tiếp cận vốn của doanh nghiệp.- Tích cực tổ chức các chương trình tập huấn kỹ năng xây dựng các dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi; tăng cường quản lý thanh khoản, dòng tiền của các phương án kinh doanh; không sử dụng nguồn vốn sai mục đích/tận dụng để bù đắp cho những phương án kinh doanh không hiệu quả; xây dựng định hướng chiến lược rõ ràng, tham gia các hoạt động tư vấn để dự báo được những biến động của thị trường và có phương án xử lý phù hợp.	
II	NHÓM CHỈ SỐ TRUNG BÌNH, CAO (45 CHỈ SỐ)		
1	Chỉ số Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng KHCN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương.	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	
a	Các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất		Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
	lượng sản phẩm hàng hóa hiện đang được thực hiện tại thành phố.		
b	Các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ hiện đang được thực hiện tại thành phố.		Sở Khoa học và Công nghệ
c	Các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp hiện đang được thực hiện tại thành phố.		Sở Khoa học và Công nghệ
d	Các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ hiện đang được thực hiện tại thành phố.		Sở Khoa học và Công nghệ
đ	Các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ phát triển thị		Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
	trường công nghệ hiện đang được thực hiện tại thành phố.		
e	Các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách chuyển đổi số hiện đang được thực hiện tại thành phố.		Sở Thông tin và Truyền thông
g	Các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện đang được thực hiện tại thành phố.		Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
h	Các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề hiện đang được thực hiện tại thành phố.		Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng. Sở Công Thương.
i	Các chương trình, kế	Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một	Sở Nông nghiệp và

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
	hoạch, quy định, chính sách phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn (Chương trình OCOP, tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số) hiện đang được thực hiện tại thành phố.	sản phẩm và các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành; xây dựng và nhân rộng các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp thành phố.	Phát triển nông thôn
k	Các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển dịch vụ logistics hiện đang được thực hiện tại thành phố.		Sở Công Thương
l	Các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực hiện đang được thực hiện tại thành phố.		Sở Nội vụ (nhân lực khu vực công). Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nhân lực khu vực tư).
m	Các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển		Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
	khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 khác hiện đang được thực hiện tại thành phố.		
n	Các văn bản chính sách khác có liên quan đến KH&ĐMST chưa được liệt kê theo các lĩnh vực ở trên.		Sở Khoa học và Công nghệ
2	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Công An thành phố. Sở Tư Pháp.
3	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và các đơn vị liên quan
4	Chi phí gia nhập thị trường	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và các đơn vị liên quan
5	Tính năng động và tiên phong của chính quyền	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Các sở, ban, ngành, UBND quận,

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
	địa phương		huyện và các đơn vị liên quan
6	Cải cách hành chính	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và các đơn vị liên quan
7	Cạnh tranh bình đẳng	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và các đơn vị liên quan
8	Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Chỉ cho giáo dục và đào tạo bình quân một người đi học trong 1 năm	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Giáo dục và Đào tạo. Sở Tài chính. Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và các đơn vị liên quan.
10	Nhân lực nghiên cứu và phát triển/10,000 dân	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
11	Tỉ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP(%)	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Tài chính. Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và các đơn vị liên quan.
12	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/GRDP (%)	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Tài chính. Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và các đơn vị liên quan.
13	Số tổ chức KH&CN/10,000 dân	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Hạ tầng số	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Thông tin và Truyền thông
15	Quản trị điện tử	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
16	Cơ sở hạ tầng cơ bản	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư. Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và các đơn vị liên quan.
17	Tỉ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng và các đơn vị liên quan
18	Quản trị môi trường	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Tài nguyên và Môi trường
19	Tín dụng cho khu vực tư nhân/1,000 lao động	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng
20	Tài chính vi mô/GRDP	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đà

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
			Năng
21	Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp đang hoạt động	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Sở Kế hoạch và Đầu tư.
22	Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, KH&CN/1,000 doanh nghiệp đang hoạt động	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Mật độ doanh nghiệp đang hoạt động bình quân/1,000 dân	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
24	Đóng góp trong GDP cả nước	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
25	Tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của doanh nghiệp	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
26	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Lao động - Thương binh và Xã

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
			hội
27	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động NC&PT	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ
28	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ
29	Tỷ lệ dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng
30	Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư. Ban Xúc Tiến Và Hỗ Trợ Đầu Tư Đà Nẵng.
31	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ
32	Đơn đăng kí bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích/10,000 dân	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ. Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
			tại thành phố Đà Nẵng.
33	Đơn đăng kí nhãn hiệu/1,000 doanh nghiệp đang hoạt động	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ. Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Đà Nẵng.
34	Đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể/10,000 dân	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ. Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Đà Nẵng.
35	Đơn đăng kí kiểu dáng công nghiệp/10.000 dân	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ. Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Đà Nẵng.
36	Số doanh nghiệp mới thành lập/10,000 dân	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Cục Thống kê Đà Nẵng.

STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
			Sở Kế hoạch và Đầu tư.
37	Số doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN/1,000 doanh nghiệp	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ
38	Tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Khoa học và Công nghệ
39	Sản xuất công nghiệp	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng
40	Số lượng sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã	Tiếp tục tham mưu thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm; phổ biến các cơ chế, chính sách liên quan đến Chương trình để các tổ chức, cá nhân biết, tham gia; hướng dẫn, tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm được tiếp cận các nội dung hỗ trợ theo quy định của chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các chính sách liên quan.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



STT	Tên chỉ số	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
41	Giá trị xuất khẩu/GRDP	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Công Thương
42	Tốc độ giảm nghèo	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Sở Kế hoạch và Đầu tư.
43	Tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế/tổng dân số	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
44	Thu nhập bình quân đầu người	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
45	Phát triển con người	Tiếp tục duy trì, củng cố, phát huy và có biện pháp nâng hạng thứ tự điểm số cho nhóm chỉ số trung bình, cao.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Sở Kế hoạch và Đầu tư